

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

Báo cáo tài chính riêng

Ngày 30 tháng 06 năm 2022



Công ty Cổ phần Thế Giới Số

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Bảng cân đối kế toán riêng	3 - 5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	7 - 8
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	9 - 27

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103001456 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 2 năm 2003 và các GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh theo Quyết định Niêm yết số 308/QĐ-SGDHCM do Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 07 năm 2015.

Hoạt động chính trong năm của Công ty là mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện, linh kiện điện tử; mua bán điện thoại, tổng đài điện thoại, máy điều hòa nhiệt độ; chuyển giao công nghệ thông tin, tự động điều khiển và cung cấp dịch vụ đại lý kỹ gởi hàng hóa.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Số 195-197 Đường Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có các chi nhánh tại Hà Nội, Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đoàn Hồng Việt	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 03 năm 2022
Bà Đặng Kiện Phương	Chủ tịch	Từ nhiệm ngày 15 tháng 03 năm 2022
Bà Đặng Kiện Phương	Thành viên	
Bà Tô Hồng Trang	Thành viên	
Ông Nguyễn Duy Tùng	Thành viên độc lập	
Ông Trần Bảo Minh	Thành viên độc lập	

ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Ủy ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Duy Tùng	Trưởng ban
Ông Trần Bảo Minh	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Đặng Kiện Phương	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 03 năm 2022
Bà Đặng Kiện Phương	Phó Tổng Giám đốc	Từ nhiệm ngày 15 tháng 03 năm 2022
Ông Đoàn Hồng Việt	Tổng Giám đốc	Từ nhiệm ngày 15 tháng 03 năm 2022
Bà Tô Hồng Trang	Phó Tổng Giám đốc	

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Đoàn Hồng Việt.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là Công ty kiểm toán cho Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng kỳ kế toán của Công ty phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

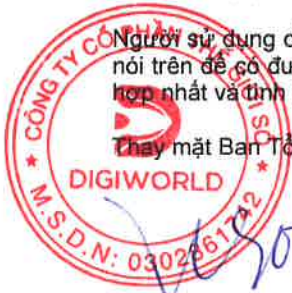
CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các Công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng kèm theo. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022.

Người sử dụng cần đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã đề cập nói trên để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Đặng Kiện Phương
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 07 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B01a-DN

Địa chỉ: Số 195-197 Đường Nguyễn Thái Bình, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, VN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Ngày 30 tháng 06 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		5,764,516,434,984	6,188,485,052,034
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		146,708,370,045	1,441,319,143,324
1. Tiền	111	4	146,708,370,045	197,980,655,700
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	1,243,338,487,624
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2,167,834,076,712	1,877,716,538,693
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.1	2,031,330,053,436	1,819,704,807,754
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.2	26,140,296,063	57,926,407,200
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		115,048,000,000	6,400,000,000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	6	39,836,593,086	38,206,189,612
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(44,520,865,873)	(44,520,865,873)
III. Hàng tồn kho	140	7	3,300,190,080,425	2,793,479,690,319
1. Hàng tồn kho	141		3,484,236,277,334	2,815,203,975,783
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(184,046,196,909)	(21,724,285,464)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		149,783,907,802	75,969,679,698
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	12,652,487,591	8,001,515,000
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		135,427,992,279	67,968,164,698
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		1,703,427,932	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B01a-DN

Địa chỉ: Số 195-197 Đường Nguyễn Thái Bình, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, VN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		330,817,385,514	333,112,245,719
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		20,021,422,180	15,999,127,380
1. Phải thu dài hạn khác	216	6	20,021,422,180	15,999,127,380
II. Tài sản cố định	220		90,504,129,298	91,986,187,274
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	31,633,427,162	33,148,990,127
<i>Nguyên giá</i>	222		61,259,874,522	59,770,633,966
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(29,626,447,360)	(26,621,643,839)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	58,870,702,136	58,837,197,147
<i>Nguyên giá</i>	228		63,283,526,703	62,867,121,238
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(4,412,824,567)	(4,029,924,091)
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	11	128,560,224,921	127,210,224,921
1. Đầu tư vào công ty con	251		146,534,039,605	145,184,039,605
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		2,945,750,000	2,945,750,000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(20,919,564,684)	(20,919,564,684)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		91,731,609,115	97,916,706,144
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	8	3,574,878,185	3,905,875,767
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		88,156,730,930	94,010,830,377
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		6,095,333,820,498	6,521,597,297,753

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B01a-DN

Địa chỉ: Số 195-197 Đường Nguyễn Thái Bình, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, VN

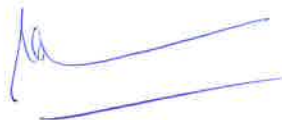
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		3,936,932,142,042	4,741,866,161,161
I. Nợ ngắn hạn	310		3,931,273,512,615	4,735,807,531,734
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12.1	1,284,230,289,008	2,834,528,721,725
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	12.2	528,509,825,961	71,949,726,074
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	28,744,515,592	70,717,966,454
4. Phải trả người lao động	314		13,129,263,206	24,306,403,202
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	13	478,218,418,743	601,422,371,819
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	15	367,205,826,627	15,654,404,588
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	16	1,231,235,373,478	1,117,227,937,872
II. Nợ dài hạn	330		5,658,629,427	6,058,629,427
1. Phải trả dài hạn khác	337	15	5,658,629,427	6,058,629,427
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2,158,401,678,456	1,779,731,136,592
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	2,158,401,678,456	1,779,731,136,592
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		907,520,250,000	885,520,250,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		907,520,250,000	885,520,250,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		61,233,761,416	61,233,761,416
3. Cổ phiếu quỹ	415		(6,302,937,166)	(6,272,937,166)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		400,000,000	400,000,000
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1,195,550,604,206	838,850,062,342
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		838,850,062,342	638,642,465,978
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		356,700,541,864	200,207,596,364
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		6,095,333,820,498	6,521,597,297,753

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 07 năm 2022


Trần Quế Tâm
Người lập biểu

Vũ Thị Mai Hân
Kế toán trưởng

 Đặng Kiên Phương
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ
Địa chỉ: Số 195-197 Đường Nguyễn Thái Bình, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, VN
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

CHI TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý I		Quý II		Lũy kế		Đơn vị tính: VND
			Năm nay		Năm trước		Năm nay		
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18.1	7,124,468,794,362	5,085,728,503,341	4,740,270,701,228	4,394,175,879,279	11,864,739,495,590	9,479,904,382,620	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	18.1	(137,763,263,051)	(106,651,567,821)	73,073,044,194	(187,925,554,013)	(64,690,218,857)	(294,577,121,834)	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	18.1	6,986,705,531,311	4,979,076,935,520	4,813,343,745,422	4,206,250,325,266	11,800,049,276,733	9,185,327,260,786	
4. Giá vốn hàng bán	11	19	(6,529,588,048,968)	(4,665,274,757,820)	(4,506,205,975,483)	(3,906,645,997,923)	(11,035,794,024,451)	(8,571,920,755,743)	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		457,117,482,343	313,802,177,700	307,137,769,939	299,604,327,343	764,255,252,282	613,406,505,043	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	18.2	73,093,329,952	24,849,820,769	28,817,298,289	38,709,427,607	101,910,628,241	63,559,248,396	
7. Chi phí tài chính	22	20	(15,385,418,274)	(5,480,498,351)	(24,322,992,798)	(6,495,426,511)	(39,708,411,072)	(11,975,924,862)	
Trong đó: chi phí lãi vay	23		(13,822,439,606)	(5,532,572,260)	(21,185,806,403)	(5,914,316,293)	(35,008,246,009)	(11,446,888,553)	
8. Chi phí bán hàng	25	21	(221,023,579,835)	(174,811,440,359)	(104,438,910,938)	(157,117,972,672)	(325,462,480,773)	(331,929,413,031)	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	21	(22,655,039,570)	(18,855,676,146)	(28,853,077,501)	(23,676,402,639)	(51,508,117,071)	(42,532,078,785)	
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		271,146,774,616	139,504,383,633	178,340,086,991	151,023,953,128	449,486,861,607	290,528,336,761	
11. Thu nhập khác	31	22	197,226,275	130,744,389	173,740,572	192,184,011	370,966,847	322,928,400	
12. Chi phí khác	32	22	(1,170,398,967)	(477,267,045)	(1,910,613,855)	(475,639,525)	(3,081,012,822)	(952,906,570)	
13. Lợi nhuận khác	40	22	(973,172,692)	(346,522,656)	(1,736,873,283)	(283,455,514)	(2,710,045,975)	(629,978,170)	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		270,173,601,924	139,157,860,977	176,603,213,708	150,740,497,614	446,776,815,632	289,898,358,591	
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	24	(54,329,160,701)	(28,117,816,132)	(29,893,013,620)	(30,153,372,916)	(84,222,174,321)	(58,271,189,048)	
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	(5,854,099,447)	-	(5,854,099,447)	-	
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		215,844,441,223	111,040,044,845	140,856,100,641	120,587,124,698	365,700,541,894	231,627,169,543	



(Handwritten signature)

Trần Quốc Tâm
Người lập biểu

Vũ Thị Mai Hân
Kế toán trưởng

Bằng Kiên Phương
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

Địa chỉ: Số 195-197 Đường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, VN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

B03a-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	QUÝ II		LŨY KẾ	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh						
1. Lợi nhuận trước thuế	01		176,603,213,708	150,740,497,614	446,776,815,632	289,898,358,591
2. Điều chỉnh cho các khoản:						
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		1,650,614,897	1,359,584,190	3,387,703,997	2,719,168,384
- Các khoản dự phòng	03		162,321,911,445	-	162,321,911,445	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		6,886,192,178	-	6,886,192,178	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(4,411,725,731)	(7,139,329,335)	(18,230,751,364)	(12,535,606,613)
- Chi phí lãi vay	06		21,185,806,403	5,914,316,293	35,008,246,009	11,446,888,553
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		364,236,012,900	150,875,068,762	636,150,117,897	291,528,808,915
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		197,793,308,460	401,902,955,361	(255,843,634,978)	(53,502,767,898)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(85,530,263,067)	(289,637,042,945)	(669,032,301,551)	(125,115,486,882)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay)	11		49,652,681,839	(96,398,016,150)	(882,791,522,067)	87,675,201,293
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(3,889,978,697)	(619,497,100)	(4,319,975,009)	(2,111,547,528)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(18,487,660,513)	(5,421,900,470)	(34,691,233,680)	(10,954,472,730)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(54,329,160,701)	(27,778,999,125)	(126,255,816,815)	(53,498,955,344)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		449,464,940,221	132,922,568,333	(1,336,784,366,203)	134,020,779,826

CÔNG TY CỔ PHẦN THE GIỚI SỐ

Địa chỉ: Số 195-197 Đường Nguyễn Thái Bình, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, VN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

B03a-DN

Đơn vị tính: VND

	QUÝ II		LŨY KẾ	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	(1,552,535,765)	-	(2,040,886,165)	-
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(102,100,000,000)	89,585,121,188	(108,648,000,000)	(8,400,000,000)
3. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	(800,000,000)	-	(1,350,000,000)	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	4,606,881,929	8,519,760,020	18,484,508,033	13,916,037,298
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(99,845,653,836)	98,104,881,208	(93,554,378,132)	5,516,037,298
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	19,120,000,000	12,000,000,000	22,000,000,000	12,000,000,000
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	(30,000,000)	-	(30,000,000)	-
3. Tiền thu từ đi vay	1,744,904,470,828	713,179,817,314	4,904,979,135,095	2,050,352,735,156
4. Tiền trả nợ gốc vay	(2,492,583,492,855)	(776,945,166,781)	(4,790,971,699,489)	(2,067,935,716,361)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(728,589,022,027)	(51,765,349,467)	(135,977,435,606)	(5,582,981,205)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	(378,969,735,642)	179,262,100,074	(1,294,361,308,729)	133,953,835,919
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	525,927,570,237	813,628,630,342	1,441,319,143,324	858,936,894,497
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	(249,464,550)		(249,464,550)	
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	146,708,370,045	992,890,730,416	146,708,370,045	992,890,730,416

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 06 năm 2022



Vũ Thị Mai Hân
Kế toán trưởng



Đặng Kiên Phương
Tổng Giám đốc

Trần Quế Tâm
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103001456 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 2 năm 2003 và các GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh theo Quyết định Niêm yết số 308/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 07 năm 2015.

Hoạt động chính trong năm của Công ty là mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện, linh kiện điện tử; mua bán điện thoại, tổng đài điện thoại, máy điều hòa nhiệt độ; chuyển giao công nghệ thông tin, tự động điều khiển và cung cấp dịch vụ đại lý kỹ gởi hàng hóa.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Số 195-197 Đường Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có các chi nhánh tại Hà Nội, Đà Nẵng và Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 là 466 (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 403).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 11. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và công ty con.

2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho (chủ yếu là hàng hóa) với giá trị được xác định theo chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cần trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình trên bảng cân đối kế toán riêng khi Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng và không được khấu trừ khi có thời gian sử dụng lâu dài.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao của tài sản cố định hữu hình và hao mòn của tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của mỗi tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	21 - 25 năm
Máy móc thiết bị	2 - 7 năm
Phương tiện vận tải	3 - 6 năm
Thiết bị văn phòng	1 - 5 năm
Phần mềm kế toán	3 - 6 năm

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng tính đến ngày lập bảng cân đối kế toán riêng theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt Hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau.

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của khoản tiền nhận được, không bao gồm các khoản chiết khấu, giảm giá và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SÓ

B09a-DN

Địa chỉ: Số 195-197 Đường Nguyễn Thái Bình, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, VN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

4. TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Ngày 30 tháng 06 năm 2022	VND Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Tiền mặt	127,806,718	97,251,718
Tiền gửi ngân hàng	146,580,563,327	197,883,403,982
Các khoản tương đương tiền	-	1,243,338,487,624
TỔNG CỘNG	146,708,370,045	1,441,319,143,324

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**5.1 Phải thu khách hàng ngắn hạn**

	Ngày 30 tháng 06 năm 2022	VND Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Phải thu các bên khác	2,019,373,420,326	1,642,907,681,341
- Công Ty Cổ Phần Thế Giới Di Động & chi nhánh	700,473,396,602	710,163,586,494
- Công ty Cổ Phần bán lẻ Kỹ thuật số FPT	140,595,195,470	3,903,035,405
- Khác	1,178,304,828,254	928,841,059,442
Phải thu bên liên quan (thuyết minh số 25)	11,956,633,110	176,797,126,413
TỔNG CỘNG	2,031,330,053,436	1,819,704,807,754
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(10,526,141,193)	(10,526,141,193)
GIÁ TRỊ THUẦN	2,020,803,912,243	1,809,178,666,561

5.2 Trả trước cho người bán

	Ngày 30 tháng 06 năm 2022	VND Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Trả trước cho bên khác		
- HP PPS Singapore (Sales) Pte Ltd	11,926,004,161	4,016,632,537
- Công ty TNHH Công nghệ Huawei (Việt Nam)	4,964,635,541	24,922,978,600
- Khác	9,249,656,361	28,986,796,063
TỔNG CỘNG	26,140,296,063	57,926,407,200
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(158,040,552)	(158,040,552)
GIÁ TRỊ THUẦN	25,982,255,511	57,768,366,648

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SÓ

B09a-DN

Địa chỉ: Số 195-197 Đường Nguyễn Thái Bình, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, VN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 06 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Ngắn hạn		
Dragon Technology Distribution Pte. Ltd.	32,874,099,492	32,874,099,492
Tạm ứng cho nhân viên	780,063,818	641,815,576
Khác	6,182,429,776	4,690,274,544
TỔNG CỘNG	39,836,593,086	38,206,189,612
Dự phòng phải thu khác	(33,836,684,129)	(33,836,684,129)
GIÁ TRỊ THUẦN	5,999,908,957	4,369,505,483
Dài hạn		
Đặt cọc, ký quỹ	20,021,422,180	15,999,127,380

7. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Ngày 30 tháng 06 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Hàng hóa	3,431,960,374,127	1,263,418,116,348
Hàng mua đang đi đường	32,101,583,612	1,504,146,085,530
Hàng gửi đi bán	11,119,235,668	47,535,469,814
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	9,055,083,927	104,304,091
TỔNG CỘNG	3,484,236,277,334	2,815,203,975,783
Dự phòng HTK	(184,046,196,909)	(21,724,285,464)
GIÁ TRỊ THUẦN	3,300,190,080,425	2,793,479,690,319

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 06 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Ngắn hạn		
Chi phí hoạt động	11,656,938,744	7,733,822,425
Công cụ, dụng cụ	995,548,847	267,692,575
TỔNG CỘNG	12,652,487,591	8,001,515,000
Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ	1,244,472,292	926,324,464
Khác	2,330,405,893	2,979,551,303
TỔNG CỘNG	3,574,878,185	3,905,875,767

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

Địa chỉ: Số 195-197 Đường Nguyễn Thái Bình, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, VN
 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

B09a-DN

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số đầu kỳ	21,183,180,735	5,369,832,427	30,069,598,098	3,148,022,706	59,770,633,966
Mua sắm	-	-	1,624,480,700	-	1,624,480,700
Thanh lý	-	-	-	135,240,144	135,240,144
Số cuối kỳ	21,183,180,735	5,369,832,427	31,694,078,798	3,012,782,562	61,259,874,522
Giá trị hao mòn					
Số đầu kỳ	10,509,686,883	4,146,426,269	9,055,067,783	2,910,462,904	26,621,643,839
Khấu hao trong năm	426,802,545	370,243,061	2,276,790,889	66,207,170	3,140,043,665
Thanh lý	-	-	-	135,240,144	135,240,144
Số cuối kỳ	10,936,489,428	4,516,669,330	11,331,858,672	2,841,429,930	29,626,447,360
Giá trị còn lại					
Số đầu kỳ	10,673,493,852	1,223,406,158	21,014,530,315	237,559,802	33,148,990,127
Số cuối kỳ	10,246,691,307	853,163,097	20,362,220,126	171,352,632	31,633,427,162

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SÒ

B09a-DN

Địa chỉ: Số 195-197 Đường Nguyễn Thái Bình, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, VN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Phần mềm</i>	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>VND Tổng cộng</i>
Nguyên giá			
Số đầu kỳ	5,484,945,058	57,382,176,180	62,867,121,238
Mua sắm	416,405,465	-	416,405,465
Phân loại lại	-	-	-
Số cuối kỳ	5,901,350,523	57,382,176,180	63,283,526,703
Giá trị hao mòn			
Số đầu kỳ	- 4,029,924,091	-	- 4,029,924,091
Khấu hao trong năm	- 382,900,476	-	- 382,900,476
Số cuối kỳ	- 4,412,824,567		- 4,412,824,567
Giá trị còn lại			
Số đầu kỳ	1,455,020,967	57,382,176,180	58,837,197,147
Số cuối kỳ	1,488,525,956	57,382,176,180	58,870,702,136

11. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2022</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>	
	<i>Tỷ lệ</i>	<i>Giá trị đầu tư VND</i>	<i>Tỷ lệ %</i>	<i>Giá trị đầu tư VND</i>
Đầu tư vào công ty con				
Công ty TNHH Một Thành viên Digiworld Venture	100	125,614,474,921	100	124,264,474,921
Đầu tư vào công ty liên kết				
Công ty Cổ phần Tập đoàn B2X Việt Nam	49.1	2,945,750,000	49.1	2,945,750,000
TỔNG CỘNG		128,560,224,921		127,210,224,921

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09a-DN

Địa chỉ: Số 195-197 Đường Nguyễn Thái Bình, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, VN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**12.1 Phải trả người bán ngắn hạn**

	Ngày 30 tháng 06 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
		VND
Asus Global Pte. Ltd	263,833,922,001	373,459,932,121
Acer Incorporated	4,468,013,157	263,648,178,234
Dell Global B.V (Singapore Branch)	1,760,971,371	253,530,990,510
Xiaomi H.K Limited	261,960,865,825	816,989,203,143
Nhà cung cấp khác	752,206,516,654	1,126,900,417,717
TỔNG CỘNG	1,284,230,289,008	2,834,528,721,725

12.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Ngày 30 tháng 06 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
		VND
ELFDIGI TECHNOLOGY LIMITED	-	-
XIAOMI H.K Limited	66,275,039,430	34,104,038,527
Khác	462,234,786,531	37,845,687,547
TỔNG CỘNG	528,509,825,961	71,949,726,074

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Ngày 30 tháng 06 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
		VND
Chiết khấu thương mại	303,563,019,768	357,422,741,762
Chi phí hoạt động và hỗ trợ bán hàng	166,148,376,634	241,598,496,496
Chi phí lãi vay	2,718,145,890	2,401,133,561
Khác	5,788,876,451	-
TỔNG CỘNG	478,218,418,743	601,422,371,819

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Ngày 30 tháng 06 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
		VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	28,550,096,879	70,583,739,373
Thuế thu nhập cá nhân	194,418,713	134,227,081
TỔNG CỘNG	28,744,515,592	70,717,966,454

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SÓ

B09a-DN

Địa chỉ: Số 195-197 Đường Nguyễn Thái Bình, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, VN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

15. PHẢI TRẢ KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 06 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Ngắn hạn		
Chi trả hộ	14,681,145,980	12,896,347,265
Phải trả Bảo hiểm Xã hội, công đoàn	2,316,760,409	1,802,643,681
Phải trả khác	<u>350,207,920,238</u>	<u>955,413,642</u>
Cộng	367,205,826,627	15,654,404,588
Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược	5,658,629,427	6,058,629,427
Khác	<u>-</u>	<u>-</u>
Cộng	5,658,629,427	6,058,629,427
TỔNG CỘNG	<u><u>372,864,456,054</u></u>	<u><u>21,713,034,015</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

Địa chỉ: Số 195-197 Đường Nguyễn Thái Bình, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, VN
 THUYẾT MINH BAO CAO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

B09a-DN

16. VAY NGẮN HẠN

Ngắn hạn	Ngày 31 tháng 12 năm 2021	Tăng trong năm	Giảm trong năm	VND Ngày 30 tháng 06 năm 2022
Vay ngân hàng	1,117,227,937,872	4,904,979,135,095	(4,790,971,699,489)	1,231,235,373,478
Chi tiết các khoản vay ngắn hạn được trình bày như sau:				
Tên ngân hàng	Ngày 30 tháng 06 năm 2022	Ngày đến hạn thanh toán	Lãi suất (%/năm)	Hình thức bảo đảm
1 Ngân Hàng TMCP Quân Đội - CN Sài Gòn	80,000,000,000	Ngày 10/07/2022	4.50%	Không có tài sản đảm bảo
2 Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 1 TP.HCM	164,500,000,000	Ngày 12/09/2022 đến 18/09/2022	Từ 5.3% đến 5.5%	Không có tài sản đảm bảo
3 Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam) - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	136,800,000,000	Ngày 18/08/2022	4.30%	Không có tài sản đảm bảo
4 Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	409,711,386,363	Ngày 03/08/2022 đến 22/09/2022	Từ 4.2% đến 4.7%	Không có tài sản đảm bảo
5 Ngân hàng TNHH MTV ANZ (Việt Nam) - CN Tp. HCM	351,723,987,115	Ngày 14/09/2022 đến 28/09/2022	4.20%	Không có tài sản đảm bảo
6 Ngân hàng TNHH Một thành viên United Overseas Bank (Việt Nam)	88,500,000,000	Ngày 28/07/2022	4.40%	Không có tài sản đảm bảo
TỔNG CỘNG	1,231,235,373,478			

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SÓ

Địa chỉ: Số 195-197 Đường Nguyễn Thái Bình, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, VN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

B09a-DN

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU**17.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
						VND
Kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	431,517,470,000	61,233,761,416	-	400,000,000	686,410,654,364	1,173,288,948,614
Phát hành cổ phiếu ESOP	12,000,000,000	-	-	-	-	12,000,000,000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	231,627,169,543	231,627,169,543
Vào ngày 30 tháng 06 năm 2021	443,517,470,000	61,233,761,416	-	400,000,000	918,037,823,907	1,416,916,118,157
Kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	885,520,250,000	61,233,761,416	-	400,000,000	838,850,062,342	1,779,731,136,592
Phát hành cổ phiếu ESOP (*)	22,000,000,000	-	-	-	-	22,000,000,000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	356,700,541,864	356,700,541,864
Mua lại Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	-
Vào ngày 30 tháng 06 năm 2022	907,520,250,000	61,233,761,416	-	400,000,000	1,195,550,604,206	2,158,401,678,456

(*) Vào ngày 23 tháng 3 năm 2022, Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo đã nhận đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành 2.200.000 cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động ("ESOP") với giá phát hành là 10.000 VND/cổ phiếu theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 6 tháng 4 năm 2021 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 05/2022/NQ-HĐQT ngày 17 tháng 2 năm 2022. Vào ngày 18 tháng 05 năm 2022, Công ty đã nhận được GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 28 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp về việc tăng vốn cổ phần của Công ty lên 907.520.250.000VND.

Vào ngày 13 tháng 07 năm 2022, Công ty được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận việc phát hành 72.477.918 cổ phiếu thường cho các cổ đông hiện hữu từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là 80%, với mệnh giá 10.000VND/Cổ phiếu theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông số 02/2022/NĐ-ĐHĐCĐ ngày 06 tháng 04 năm 2022 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 18/2022/NQ-HĐQT ngày 07 tháng 06 năm 2022. Vào ngày 22 tháng 07 năm 2022, Công ty đã nhận được GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 29 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp về chấp thuận cho việc tăng vốn cổ phần của Công ty từ 907.520.250.000VND lên 1.632.299.430.000VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SÒ

B09a-DN

Địa chỉ: Số 195-197 Đường Nguyễn Thái Bình, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, VN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**17.2 Cổ phiếu**

	<i>Số lượng cổ phiếu</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
Cổ phiếu đã được duyệt	90,752,025	88,552,025
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	90,752,025	88,552,025
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	90,752,025	88,552,025
Cổ phiếu quỹ	(154,469)	(151,469)
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(154,469)	(151,469)
Cổ phiếu đang lưu hành	90,597,556	88,400,556
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	90,597,556	88,400,556

18. DOANH THU**18.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021</i>
Tổng doanh thu:	11,864,739,495,590	9,479,904,382,620
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	11,864,739,495,590	9,479,904,382,620
Các khoản giảm trừ doanh thu	(64,690,218,857)	(294,577,121,834)
chiết khấu		
thương mại	(64,690,218,857)	(294,577,121,834)
DOANH THU THUẦN	11,800,049,276,733	9,185,327,260,786

18.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021</i>
Lãi tiền gửi ngân hàng	97,997,865	381,183,603
Lãi chênh lệch tỷ giá	39,427,055,063	21,625,736,892
Chiết khấu thanh toán được hưởng	43,999,065,145	29,239,170,263
Lãi trái phiếu	17,592,816,467	12,154,423,010
Khác	793,693,701	158,734,628
Cộng	101,910,628,241	63,559,248,396

CÔNG TY CỔ PHẦN THÈ GIỚI SỎ

B09a-DN

Địa chỉ: Số 195-197 Đường Nguyễn Thái Bình, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, VN
 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG**19. CẤP**

VND

	<i>Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021</i>
Giá vốn hàng bán & cung cấp dịch vụ	11,035,794,024,451	8,571,920,755,743
	11,035,794,024,451	8,571,920,755,743

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

VND

	<i>Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021</i>
Chi phí lãi vay	35,008,246,009	11,446,888,553
Lỗ chênh lệch tỷ giá	3,978,587,850	147,614,243
Chiết khấu thanh toán	685,521,291	-
Khác	36,055,922	381,422,066
Cộng	39,708,411,072	11,975,924,862

21. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

VND

	<i>Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021</i>
Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên	20,748,110,724	25,460,327,333
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20,260,390,316	28,246,929,766
Chi phí quảng cáo, KM, hỗ trợ bán hàng	249,362,570,364	268,385,024,623
Khác	35,091,419,369	9,837,131,309
	325,462,490,773	331,929,413,031
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên	23,877,017,737	23,968,018,529
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9,299,819,102	5,880,713,145
Chi phí bằng tiền khác	18,331,280,232	12,683,347,111
	51,508,117,071	42,532,078,785
TỔNG CỘNG	376,970,607,844	374,461,491,816

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SÒ

B09a-DN

Địa chỉ: Số 195-197 Đường Nguyễn Thái Bình, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, VN
 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

22. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	<i>Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022</i>	<i>VND Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021</i>
Thu nhập khác	370,966,847	322,928,400
Thu nhập khác	370,966,847	322,928,400
Chi phí khác	(3,081,012,822)	(952,906,570)
Các khoản chi phí khác	(3,081,012,822)	(952,906,570)
THU NHẬP THUẦN	(2,710,045,975)	(629,978,170)

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022</i>	<i>VND Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021</i>
Chi phí mua hàng và dịch vụ	11,035,794,024,451	8,571,920,755,743
Chi phí nhân công	44,625,128,461	49,428,345,862
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3,387,703,997	1,359,584,194
Chi phí dịch vụ mua ngoài	29,560,209,418	34,127,642,911
Chi phí bằng tiền khác	299,397,565,968	289,545,918,849
	11,412,764,632,295	8,946,382,247,559

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với mức thuế suất 20% lợi nhuận chịu thuế,

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế,

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Kỳ này</i>	<i>VND Kỳ trước</i>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	446,776,815,632	289,898,358,591
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	89,355,363,126	57,979,671,718
Các khoản điều chỉnh khác	(5,133,188,806)	291,517,330
<i>Khác</i>	(5,133,188,806)	291,517,330
Chi phí thuế TNDN hiện hành	84,222,174,321	58,271,189,048

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

Địa chỉ: Số 195-197 Đường Nguyễn Thái Bình, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, VN
 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

B09a-DN

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Kỳ này</i>	<i>Kỳ trước</i>
Công ty TNHH Một Thành Viên Digiworld Venture	Công ty con	Góp vốn	1,350,000,000	41,444,039,605
Công ty TNHH Một thành viên 1 Digital Technology và chi nhánh	Công ty con	Mua dịch vụ, hàng hóa Bán hàng hóa, dịch vụ	506,309,678,241 103,586,441,478	29,392,037,486 54,105,623,187
Công ty Cổ phần Dịch vụ Phát triển thị trường C.L và Chi nhánh	Công ty con	Bán hàng hóa, dịch vụ Mua dịch vụ, hàng hóa	12,450,502,098 5,951,074	5,893,461,388 610,096,603
Các khoản phải thu, phải trả các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2021</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
Phải thu ngắn hạn của Khách hàng				
Công ty TNHH Một thành viên 1 Digital Technology và Chi nhánh	Công ty con gián tiếp	Cung cấp dịch vụ & bán hàng hóa	1,263,300,201	154,155,049,202
Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Phát Triển Thị Trường C.L và Chi nhánh	Công ty con gián tiếp	Cung cấp dịch vụ & bán hàng hóa	997,983,779	591,193,961
Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Đại Tín	Công ty liên kết gián tiếp	Cung cấp dịch vụ & bán hàng hóa	9,695,349,130	22,050,883,250
			11,956,633,110	176,797,126,413
Phải thu về cho vay ngắn hạn				
Công ty TNHH Một thành viên 1 Digital Technology	Công ty con gián tiếp	Cho vay	84,000,000,000	-
Khác	Công ty liên kết gián tiếp	Cho vay	31,048,000,000	6,400,000,000
			115,048,000,000	6,400,000,000
Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc:				
Lương và thưởng (thù lao)			<i>Kỳ này</i>	<i>Kỳ trước</i>
			346,174,000	1,257,156,156

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09a-DN

Địa chỉ: Số 195-197 Đường Nguyễn Thái Bình, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, VN
 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

26. CÁC CAM KẾT**26.1 Cam kết thuê hoạt động**

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả tối thiểu trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 06 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Dưới 1 năm	29,183,069,935	21,710,719,957
Từ 1 đến 5 năm	83,425,583,535	59,480,505,617
Trên 5 năm	7,834,228,597	11,704,148,748
TỔNG CỘNG	<u>120,442,882,067</u>	<u>92,895,374,322</u>

26.2 Cam kết góp vốn

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có khoản cam kết góp vốn như sau:

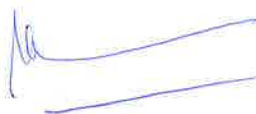
Công ty nhận đầu tư	Vốn điều lệ của công ty nhận đầu tư VND	Cam kết góp vốn của Công ty		Vốn thực góp Số tiền VND	Phần vốn cam kết còn phải góp Số tiền VND
		Số tiền VND	%		
Công ty TNHH Một thành viên Digiworld Venture	150,000,000,000	150,000,000,000	100	125,614,474,921	24,385,525,079

27. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có các sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.



Trần Quế Tâm
Người lập biểu



Vũ Thị Mai Hân
Kế toán trưởng



Đặng Kiên Phương
Tổng Giám đốc

